

Phát triển Khoa học Quản lý giáo dục

Phạm Thị Kim Phượng

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Email: phamphuong121069@gmail.com

TÓM TẮT: Bài viết trình bày khái quát về sự hình thành và phát triển bộ môn Khoa học Quản lý giáo dục trên thế giới và Việt Nam như: Một số vấn đề chung về Khoa học Quản lý giáo dục, lịch sử hình thành và phát triển bộ môn Khoa học Quản lý giáo dục, những kết quả nghiên cứu về Khoa học Quản lý giáo dục. Trên cơ sở nhu cầu thực tiễn đổi mới giáo dục và quản lý giáo dục ở Việt Nam, bài viết đề xuất những định hướng nghiên cứu và các giải pháp phát triển Khoa học Quản lý giáo dục trong bối cảnh mới.

TỪ KHÓA: Khoa học; Khoa học Quản lý giáo dục; nghiên cứu Khoa học Quản lý giáo dục; phát triển Khoa học Quản lý giáo dục.

→ Nhận bài 03/4/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 07/5/2019 → Duyệt đăng 25/6/2019.

1. Đặt vấn đề

Quản lý giáo dục (QLGD) là một lĩnh vực khoa học còn non trẻ đối với thế giới, điều đó càng đúng với Việt Nam. Vào những năm 90 của thế kỉ XX, Khoa học QLGD (KHQLGD) lúc đầu chỉ là một phân môn của Khoa học giáo dục (GD), được giảng dạy như một chuyên đề trong các trường sư phạm và được tiến hành nghiên cứu (NC) trong một số viện NC về GD. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn đổi mới và phát triển GD, bộ môn KHQLGD đã từng bước được hình thành và phát triển, từ NC triển khai các kết quả NC vào thực tiễn GD đến tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trong các viện NC, học viện, các trường đại học ở các trình độ khác nhau. Những kết quả NC của nó đã có nhiều đóng góp quan trọng cho việc xây dựng nền móng lí luận về KHQLGD, NC, đổi mới và giải quyết nhiều vấn đề thực tiễn về QLGD. Tuy nhiên, QLGD hiện nay vẫn còn nhiều bất cập. NC và ứng dụng các kết quả NC KHQLGD còn hạn chế, chưa đáp ứng kịp các yêu cầu phát triển GD. Nguyên nhân của những bất cập trên là do việc QLGD vẫn dừng lại ở kinh nghiệm chủ nghĩa mà chưa dựa trên những căn cứ khoa học và kết quả NC của KHQLGD. Vì vậy, việc NC những vấn đề của KHQLGD, tìm ra những bất cập trong NC và giải pháp ứng dụng triển khai kết quả NC KHQLGD vào thực tiễn nhằm xác lập những cơ sở khoa học cho việc đổi mới căn bản và toàn diện nền GD Việt Nam là một yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn rất lớn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề chung về Khoa học Quản lý giáo dục

Nhiều quốc gia trên thế giới (OECD, Pháp, Trung Quốc...) đã đưa ra những cảnh báo rằng NC về KHQLGD hiện nay không đáp ứng được nhu cầu phát triển GD của đất nước. Trong báo cáo phân tích về QLGD và tăng trưởng của tác giả Philippe Aghion trình bày tại Diễn đàn Kinh tế Việt - Pháp năm 2004 đã cho rằng: Hiệu suất chung của hệ thống QLGD Pháp không còn được như xưa và ông cũng đưa ra những phân tích, bình luận về “Sự bùng nổ tính đầu đón: Sự thất bại lạ lùng đối với ngành NC QLGD của Pháp”.

Báo cáo đánh giá của OECD về hệ thống NC và phát triển QLGD của Vương quốc Anh và New Zealand năm 2007 cho rằng, khung các vấn đề NC về KHQLGD chưa xác định được các ưu tiên cần thiết để giúp các nhà quản lí, nghiên cứu và ra quyết định GD hoạch định các đường hướng NC chiến lược, chưa có sự đối thoại tích cực với các cơ quan, tổ chức có liên quan và sự hỗ trợ về mặt chính trị.

Theo Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013: Khoa học là hệ thống tri thức về các hiện tượng, sự vật, quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy. Khoa học được hiểu là hệ thống những tri thức, mối quan hệ bản chất về các quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy của con người. Tri thức của nhân loại gồm 2 hệ thống: Tri thức kinh nghiệm và tri thức khoa học.

QLGD: Trong hầu hết các sách chuyên khảo của quốc tế về QLGD, người ta không đưa ra định nghĩa về khái niệm này (Hoy W. K. and Miskel C.G., 2001, Davies B. and Elison L., 1997, Hanson E.M., 1996, Lunenburg F.C. and Ornstein A. C., 1999...). Có thể là các tác giả quốc tế coi QLGD là một khoa học còn non trẻ và chưa đạt đến mức độ cần thiết của một lĩnh vực nghiên cứu khoa học độc lập và do vậy vẫn coi các nội dung của QLGD tương tự như quản lí nói chung của các loại tổ chức khác. Một số ít nhà nghiên cứu về QLGD có đưa ra định nghĩa về QLGD như là lĩnh vực nghiên cứu và thực tiễn có liên quan đến sự vận hành của các tổ chức GD (Educational management is a field of study and practice concerned with the operation of educational organizations [1]). Cách định nghĩa như vậy còn quá rộng và nhìn chung cũng không có gì khác so với các định nghĩa về lĩnh vực quản lí nói chung. Trong bài viết này, chúng tôi cũng không đưa ra định nghĩa về “QLGD” mà muốn nhấn mạnh QLGD được hiểu là quản lí được thực hiện trong các tổ chức GD. Tổ chức GD là một trong nhiều loại tổ chức khác nhau. Nhìn chung, mỗi loại tổ chức thường có một hoạt động cốt lõi nhất định. Chẳng hạn như trường học, hoạt động cốt lõi chính là việc GD thể hệ trẻ thông qua quá trình GD. Điều này nói lên rằng, QLGD thực ra chỉ là sự nhấn mạnh quản lí trong môi trường GD nên không nhất

thiết ở thời điểm này phải có sự phân biệt đến mức tách biệt có một khoa học QLGD độc lập nào đó (Theo Bush T. thì QLGD là một khoa học còn rất non trẻ và bắt đầu phát triển ở Anh quốc mới từ năm 1988 [1]. Theo Lunenburg F.C. and Ornstein A. C. thì các thuyết về QLGD có thể được coi là phát triển từ những năm 50 nếu xét dưới góc độ như một khoa học xã hội ứng dụng. Được coi là khoa học ứng dụng vì QLGD sử dụng các khái quát hóa của các khoa học về tâm lý học, tâm lý xã hội học, nhân chủng học, kinh tế học ... để giải quyết các vấn đề trong các tổ chức GD [2]. Tổ chức GD có thể có nhiều loại khác nhau, từ các loại cơ sở GD như trường học cho đến các cơ quan QLGD. Nếu như QLGD có thể ngầm định nội dung đặc trưng đối với tất cả các loại hình tổ chức GD thì thuật ngữ “quản lý nhà trường” thường được dùng khi người ta muốn đề cập đến các vấn đề quản lý giới hạn trong phạm vi nhà trường với tư cách như một tổ chức.

2.2. Lịch sử hình thành và phát triển bộ môn Khoa học Quản lý giáo dục

KHQLGD là phân môn của Khoa học GD, được hình thành và phát triển trên cơ sở tích hợp giữa Khoa học GD và Khoa học Quản lý. Đối tượng NC của KHQLGD đã thu hút sự chú ý NC của nhiều học giả (Bass và Avolio, 1994; Burns, 1978; Glatter và Kydd, 2003; Payne, 1875; Senge, 1990; Simon, 1945; Taylor, 1895; Yukl, 1994) (Bass và Avolio, 1994; Burns, 1978; Glatter và Kydd, 2003; Payne, 1875; Senge, 1990; Simon, 1945; Taylor, 1895; Yukl, 1994). Đầu những năm 1950, có sự “thay đổi lý thuyết trong quản trị GD” đó là: Tập trung vào nhu cầu nâng cao các hoạt động học thuật thông qua ứng dụng các nguyên tắc khoa học dựa vào thực chứng chứ không chỉ niềm tin lý tưởng, kinh nghiệm và miêu tả cá nhân trong QLGD (Getzels, 1968; Griffiths, 1964; Halpin, 1958). Vào giữa thập kỉ 90 của thế kỉ XX, một hồi cứu về NC thực nghiệm ảnh hưởng từ lãnh đạo của hiệu trưởng với mục đích lớn hơn là cập nhật cả NC của Bridges và Bossert (Hallinger và Heck, 1996a, b), Gunter (2005: 168) (Hallinger và Heck, 1996a, b, Gunter (2005: 168)) đề xuất đối tượng mà nhà nghiên cứu về QLGD nên tập trung vào: Quản lý người học; quản lý nhà trường (tổ chức); quản lý văn hóa nhà trường; Tổ chức và thiết lập cộng đồng liên đới; quản lý Nhà nước về GD; ...

KHQLGD là sự tích hợp của nhiều môn khoa học: Khoa học về QLGD được coi là một khoa học ứng dụng về hành vi được xây dựng trên cơ sở các khoa học hành vi khác như tâm lý học, xã hội học, tâm lý học xã hội, nhân loại học và chính trị học. Nếu như tâm lý học chủ yếu đóng góp các cơ sở lý luận ở cấp độ cá thể và vi mô thì bốn lĩnh vực khoa học còn lại giúp chúng ta hiểu biết về các khái niệm ở cấp độ vi mô như các quá trình tổ chức .

2.3. Nghiên cứu Khoa học Quản lý giáo dục

NC KHQLGD là một hoạt động khoa học đặc thù trong lĩnh vực GD. Nó là một hoạt động có tính hệ thống, xuất phát từ khó khăn nảy sinh trong hoạt động QLGD hay từ nhu cầu nhận thức hoạt động QLGD trong thực tiễn, cố

gắng hiểu biết nhằm tìm ra được cách giải thích một cách khoa học có kiểm chứng về cấu trúc, cơ chế vận hành, cùng biện chứng của sự phát triển của một cơ sở hay hệ thống GD nào đó, hay nhằm khám phá ra những khái niệm, những quy luật mới của thực tiễn QLGD mà trước đó chưa ai biết đến.

Sản phẩm của NC KHQLGD là những hiểu biết mới về hoạt động QLGD (những chân lý mới, phương pháp và giải pháp quản lý mới, những lý thuyết mới, những dự báo có căn cứ). Hoạt động NC KHQLGD là hoạt động sáng tạo ở nhiều cấp độ khác nhau: Sáng tạo ra tri thức mới, kinh nghiệm mới, phương pháp mới trong hoạt động QLGD. Những công việc chủ yếu của NC KHQLGD gồm: 1/ Xây dựng khung lý thuyết: Đây là bước khó khăn nhất của một đề tài NC. Khung lý thuyết được xây dựng trên cơ sở những tiếp cận và phương pháp tiếp cận khoa học khác nhau. Khung lý thuyết thể hiện quan điểm khoa học của nhà NC, nó là cơ sở để triển khai các bước tiếp theo của quy trình NC; 2/ Thu thập dữ liệu: Sau khi xác định cho mình một đề tài NC thì việc trước tiên là phải tìm thấy những sự kiện có liên quan đến đề tài. Bằng các phương pháp điều tra, quan sát, đo đạc, làm thí nghiệm... để có những tài liệu, số liệu cần thiết cho công việc phục vụ cho một mục đích nào đó tiếp theo. Những việc làm ấy được gọi là thu thập dữ liệu. Dữ liệu là sự kiện được thu gọn lại trong các hình ảnh, con số, văn bản... Vì vậy, nếu phương pháp thu thập dữ liệu không tốt (không thật, không chính xác, không đa dạng...) thì những kết quả của NC khoa học sẽ không trung thực, sai lệch với thực tiễn và tất nhiên sẽ không trở thành tri thức khoa học; 3/ Sắp xếp dữ liệu: Qua những hoạt động NC ban đầu, ta thu được rất nhiều dữ liệu. Cần sắp xếp chúng lại theo hệ thống, thứ, loại, thậm chí có thể sàng lọc bớt những dữ liệu không cần thiết hoặc quyết định bổ sung thêm dữ liệu mới để công việc cuối cùng được đơn giản hơn; 4/ Xử lý dữ liệu: Đây là công việc quan trọng nhất, giá trị nhất của NC khoa học. Một lần nữa, nhà NC phải phân tích các dữ liệu để có thể đoán nhận, khái quát hóa thành kết luận. Nếu dữ liệu là những con số, cần xử lý bằng thống kê, rút ra kết quả từ các đại lượng tính được; 5/ Khái quát hóa toàn bộ công trình, rút ra kết luận chung cho đề tài NC.

2.4. Giải pháp phát triển Khoa học Quản lý giáo dục

a. Gắn nội dung NC với nhu cầu thực tiễn QLGD

Mục tiêu: Mọi NC đều phải xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn QLGD và kết quả NC của nó phải quay lại phục vụ thực tiễn QLGD. Không thể có định hướng NC QLGD nằm ngoài sự phát triển KHQLGD, nhu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Nội dung:

- Tiến hành NC những đề tài cơ bản, nhằm xây dựng những nền tảng lý luận của KHQLGD, làm cơ sở phương pháp luận cho những NC giải quyết những vấn đề thực tiễn QLGD. Nhất là những NC về lý luận QLGD trong cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tiến hành những NC về mối quan hệ giữa QLGD theo ngành và lãnh thổ, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch

trong GD.

- Tiến hành NC, khảo sát, đánh giá chính xác thực trạng hoạt động QLGD và đào tạo ở mọi cấp học, các yếu tố ảnh hưởng trong và ngoài nhà trường để đưa ra những dự báo, kế hoạch NC khoa học sát với thực tiễn QLGD. Cũng giống như nhiều ngành NC khác, NC KHQLGD cũng cần đi trước, đón đầu so với thực tiễn, vừa phải phục vụ yêu cầu hiện tại vừa dự báo chính xác xu hướng phát triển GD để đáp ứng nhu cầu tương lai của QLGD.

- Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ NC khoa học GD và QLGD với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển GD của từng cấp, ngành học; Phải coi kế hoạch phát triển khoa học GD và QLGD là một nội dung của quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành GD và ở mỗi địa phương.

- Tăng cường những NC kinh nghiệm thực tiễn về gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; Những bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD; Những NC thực tiễn về kinh tế GD và hiệu quả đầu tư cho GD và đào tạo.

- Có cơ chế khuyến khích những bài báo khoa học về QLGD đăng quốc tế, nhằm phát triển KHQLGD nói chung và phương pháp NC về KHQLGD đạt trình độ quốc tế.

Điều kiện đảm bảo:

- Khi xây dựng hệ thống đề tài hay khi xác định một đề tài cụ thể về QLGD, cơ quan quản lý đề tài hay chủ nhiệm đề tài phải xuất phát từ đòi hỏi của xã hội, của ngành, của địa phương và sự phát triển của người học về QLGD.

- Hoàn thiện hệ thống lí luận khoa học và phương pháp luận về QLGD, hệ thống tri thức về QLGD và môi trường GD làm cơ sở khoa học cho sự lựa chọn những sự kiện, vấn đề QLGD nảy sinh trong thực tiễn làm đối tượng NC, nhằm khắc phục sự chủ quan, phiến diện, kinh nghiệm chủ nghĩa khi NC khoa học. Đây là vấn đề nhiều khi bị “mặc định” với những gì KHQLGD đã làm được trong mấy thập kỉ qua, cũng giống như nói đổi mới QLGD nhưng vẫn thiếu khung lí luận khoa học, thiếu tính thuyết phục nên thực tế QLGD vẫn là điểm yếu nhất trong quá trình đổi mới GD.

- Chuyển hóa kết quả NC về năng lực QLGD thành những chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ QLGD đáp ứng nhu cầu đổi mới GD.

- KHQLGD vẫn đang thiếu hệ thống cơ sở lí luận hiện đại, phù hợp với sự thay đổi của môi trường GD, với người học và công nghệ dạy học. Cũng có thể mạnh dạn đề xuất các vấn đề để tạo sự chuyển biến, hoàn thiện cơ sở lí luận, lí thuyết về KHQLGD như: Sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo triệt để, cụ thể hơn đầu tư các nguồn lực để đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ chuyên gia, phát triển công tác dịch thuật và giao lưu quốc tế, chuyên nghiệp hóa các khâu: Giao, nhận, tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng đề tài, dự án, giáo trình...

b. Áp dụng những phương pháp mới vào NC KHQLGD

Mục tiêu: Đội ngũ NC viên và giảng viên về QLGD có khả năng áp dụng được các phương pháp và kĩ thuật NC KHQLGD đảm bảo tính hiện đại có độ tin cậy cao, phù hợp với xu hướng phát triển của khoa học thế giới.

Nội dung:

- Xây dựng hệ thống các phương pháp luận và phương pháp NC có tính đặc thù của KHQLGD trên cơ sở những phương pháp NC của các khoa học có liên quan như GD học, Tâm lí học, Kinh tế học, Xã hội học... phù hợp với xu thế phát triển KHQLGD của thế giới.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào NC đề tài KHQLGD với mục tiêu nhằm nâng cao hiệu quả và độ tin cậy của kết quả NC và những nhiệm vụ NC khoa học tại các cơ sở NC và giảng dạy về QLGD.

- Phương pháp NC được xem như một tiêu chuẩn cao nhất để xét hồ sơ đầu thầu đề tài khoa học, để đánh giá kết quả NC của một đề tài, luận án NC về QLGD.

- Đảm bảo độ tin cậy của phương pháp: Một kết quả NC đạt được nhờ lựa chọn một phương pháp nào đó phải có khả năng kiểm chứng được; Kết quả thu được hoàn toàn giống nhau trong nhiều lần NC với điều kiện giống nhau. Để chứng tỏ độ tin cậy trong đề tài, người NC khi trình bày kết quả NC cần phải làm rõ những điều kiện, các nhân tố và phương tiện thực hiện.

- Đảm bảo tính khách quan của phương pháp: Tính khách quan vừa là một đặc điểm của NC khoa học, vừa là một tiêu chuẩn đối với người NC khoa học. Một nhận định theo cảm tính, một kết luận thiếu các xác nhận bằng kiểm chứng chưa thể là một phản ánh khách quan về bản chất của sự vật và hiện tượng. Để đảm bảo khách quan, người NC cần lật đi lật lại những kết luận tưởng đã hoàn toàn được xác nhận. Tính khách quan còn thể hiện sự không tác động vào đối tượng NC trong quá trình tìm hiểu phân tích nó. Tính khách quan còn thể hiện qua việc lựa chọn mẫu điều tra đảm bảo tính ngẫu nhiên. Khách quan tức là mọi cái đưa ra đều có thể xác nhận được bằng các giác quan hoặc đo lường được.

Điều kiện đảm bảo:

- Khi đã xác định rõ mục tiêu, đối tượng và giả thuyết NC của đề tài khoa học thì người NC tiếp tục xác định phương pháp NC phù hợp. Việc lựa chọn phương pháp và kĩ thuật NC được coi như là tìm kiếm công cụ để đạt tới mục tiêu.

- Phương pháp NC do mục tiêu và đối tượng NC quyết định. Để tiến hành NC một công trình khoa học, người NC phải sử dụng hợp lí các phương pháp NC. Các phương pháp được sử dụng hợp lí, phù hợp với đề tài sẽ đảm bảo cho công trình NC đạt kết quả. Cho nên, trong đề cương NC, người NC phải trình bày các phương pháp dự kiến sử dụng, các ý đồ và kĩ thuật sử dụng chúng tương ứng với các mục tiêu NC.

- Tổ chức bồi dưỡng những năng lực về phương pháp NC, xử lí phân tích kết quả NC và lựa chọn phương pháp NC phù hợp cho đội ngũ NC viên và giảng viên về QLGD.

- Thành lập các trung tâm phân tích và đánh giá kết quả NC KHQLGD ở các cơ sở NC khoa học GD, tiếp cận với chuẩn quốc tế.

- Đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho các cơ sở NC và giảng dạy về KHQLGD.

c. Đổi mới nội dung và quy trình quản lí NC QLGD

Mục tiêu: Hoàn thiện nội dung và quy trình quản lí NC KHQLGD trên cơ sở tính đặc thù của KHQLGD và tiếp cận

với những chuẩn mực quốc tế nhằm phát huy cao nhất tính chủ động, sáng tạo của nhà NC trong quá trình NC.

Nội dung:

- Bộ GD&ĐT nên đưa ra khung yêu cầu đối với phiếu đánh giá, thang biểu xét hồ sơ thầu và nghiệm thu đề tài NC theo hướng phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hoạt động NC khoa học nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, từng bước đáp ứng các yêu cầu trong việc cải tiến kịp thời giữa cơ quan quản lý với cơ sở NC và giữa các cán bộ NC.

- Tăng cường phối hợp giữa cơ quan NC và cơ quan quản lý. Thực hiện cơ chế đặt hàng trong NC khoa học cũng như tiếp nhận, ứng dụng kết quả NC. Đổi mới cơ chế quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ.

- Hệ thống tiêu chí quản lý NC KHQLGD thiếu tính hội nhập quốc tế nên KHQLGD của Việt Nam chưa thực sự là cơ sở khoa học, định hướng cho sự phát triển GD của nước nhà và hội nhập với xu hướng phát triển KHQLGD của thế giới.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý NC khoa học, qua hệ thống dữ liệu về nguồn lực khoa học - công nghệ hằng năm được người có trách nhiệm cập nhật gồm (hồ sơ của cán bộ làm công tác khoa học, cơ sở vật chất của đơn vị khoa học, nguồn nhân lực, tài lực...), được máy tính lưu trữ theo cấu trúc, định dạng sẽ hỗ trợ trong việc tổ chức thực hiện một kế hoạch phát triển khoa học - công nghệ. Cụ thể, khi triển khai một nhiệm vụ khoa học - công nghệ nào đó, chúng ta cần phải có những thông tin cơ bản của đơn vị dự kiến giao nhiệm vụ: Cơ sở vật chất của đơn vị, nguồn nhân lực NC khoa học, kết quả NC khoa học được ứng dụng trong những năm gần đây... Những thông tin này được lưu trữ trong máy tính dưới dạng một cơ sở dữ liệu, khi cần, thông qua một phần mềm công cụ tìm kiếm, người quản lý khoa học - công nghệ có thể nhận được kết quả ngay.

- Phát huy vai trò của các đơn vị quản lý cơ sở trong quá trình triển khai đề tài NC. Khi hoàn tất hoạt động NC, chủ nhiệm đề tài cần tổ chức báo cáo kết quả NC của đề tài trước lãnh đạo đơn vị và hội đồng khoa học đơn vị cơ sở để nhận những góp ý cuối cùng trước khi đăng kí bảo vệ chính thức.

- Trong hội đồng “Đánh giá nghiệm thu đề tài” nên mời đại diện không chỉ của cơ quan quản lý đề tài mà cần mời cơ quan “hưởng thụ” kết quả của đề tài làm thành viên hội đồng.

Điều kiện đảm bảo:

- Đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm khoa học và công nghệ cuối cùng theo kết quả đầu ra. Với những đề tài thuộc lĩnh vực khoa học quản lý, cần ưu tiên cho những cơ sở NC có tính đặc thù.

- Xây dựng cơ chế đặc thù trong quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; Hình thành cơ chế đánh giá độc lập, tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với các hoạt động khoa học và công nghệ.

- Tăng cường liên kết giữa tổ chức khoa học GD với cơ quan quản lý và cơ sở GD trong việc thực hiện nhiệm vụ NC ứng dụng và đào tạo nhân lực.

- Cần đổi mới tư duy khi xây dựng các chương trình NC KHQLGD và cơ chế hình thành các đề tài NC khoa học ở các cấp, nâng cao trình độ quản lý, tổ chức hoạt động NC khoa học, tăng cường tính năng động, nhạy bén và khả năng thích ứng với yêu cầu, nhu cầu thực tế của cá nhân, đơn vị NC.

- Xác định cụ thể về nhiệm vụ NC và mục tiêu cần đạt của từng công trình, đề tài, dự án và có chế độ kiểm định năng lực, điều kiện cần thiết đối với cá nhân, tổ chức tham gia NC.

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch NC KHQLGD phù hợp, trên cơ sở chiến lược phát triển NC khoa học và thế mạnh của đơn vị, cơ sở; Tập trung ưu tiên những vấn đề mà ngành và thực tế hoạt động QLGD đang đòi hỏi.

- Đổi mới hiệu quả hơn nữa công tác kiểm tra, đánh giá đề tài, tổ chức hội đồng nghiệm thu, bảo vệ đề tài, luận văn, luận án, xác lập cơ chế minh bạch, chặt chẽ, hợp lý trong NC, đánh giá và chuyển giao, ứng dụng sản phẩm NC KHQLGD.

d. Đổi mới cơ chế, chính sách trong NC và áp dụng KHQLGD

Mục tiêu: Hoàn thiện cơ chế chính sách về tiền lương, tiền công, về NC và áp dụng KHQLGD vào thực tiễn GD theo hướng phát huy cao độ tính độc lập, chủ động và sáng tạo của nhà NC.

Nội dung:

- Xây dựng và thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học, nhất là các chuyên gia giỏi, có nhiều đóng góp. Tạo môi trường thuận lợi, điều kiện vật chất để cán bộ khoa học phát triển bằng tài năng và hưởng lợi ích xứng đáng với giá trị lao động sáng tạo của mình. Nâng cao năng lực, trình độ và phẩm chất của cán bộ quản lý khoa học và công nghệ ở các ngành, các cấp.

- Sử dụng và hợp tác hiệu quả đội ngũ sinh viên, NC sinh, thực tập sinh, chuyên gia khoa học và công nghệ học tập và làm việc ở nước ngoài; Bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của tác giả các công trình khoa học; Có chính sách đãi ngộ, khen thưởng đối với tác giả có các bài báo và công trình được công bố quốc tế.

- Đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ khoa học và công nghệ. Có chính sách tiếp tục sử dụng cán bộ khoa học và công nghệ trình độ cao đã hết tuổi lao động có tâm huyết và còn sức khoẻ làm việc vào công tác NC khoa học.

Điều kiện đảm bảo:

- Phân bổ kinh phí theo nội dung và nhiệm vụ NC cụ thể của đề tài; Từng bước bỏ hình thức phân bổ kinh phí bình quân cho các đề tài cấp cơ sở và cấp bộ, ngành.

- Thực hiện chế độ khoán kinh phí cho các đề tài NC khoa học trên cơ sở sản phẩm cuối cùng.

- Đổi mới cơ chế xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách đối với hoạt động NC và áp dụng KHQLGD phù hợp với

nhu cầu phát triển của quốc gia, địa phương; Bảo đảm đồng bộ, gắn kết giữa định hướng phát triển dài hạn, chương trình phát triển trung hạn với kế hoạch NC, ứng dụng khoa học hàng năm.

e. Sắp xếp lại hệ thống cơ sở NC và đào tạo QLGD

Mục tiêu: Hệ thống cơ sở NC và đào tạo về QLGD được tái cấu trúc theo hướng thống nhất giữa mục tiêu - cơ cấu tổ chức - cơ chế quản lý của hệ thống các cơ sở NC khoa học GD; Kế thừa và phát triển những thành tựu NC của khoa học GD; Phân cấp quản lý và giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở NC khoa học GD; Thu hẹp đầu mối của hệ thống các cơ sở NC khoa học GD; Đảm bảo tính hội nhập quốc tế về NC khoa học GD.

Nội dung:

- Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ sở NC và đào tạo về KHQLGD; Tái cấu trúc sao cho, các cơ sở NC và đào tạo hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ đồng thời được chủ động đề xuất nhiệm vụ và xây dựng kế hoạch thực hiện.

- Có sự phân công hợp lý về chức năng, nhiệm vụ; Sự điều hòa, phối hợp giữa các cơ sở NC và đào tạo về KHQLGD để có thể thực hiện được nhiều việc, nhưng một việc cụ thể chỉ giao cho một cơ sở có đủ năng lực về nhân lực, vật lực, có uy tín trong lĩnh vực chuyên sâu chủ trì.

- Bố trí hợp lý lực lượng NC khoa học GD theo các hướng ưu tiên; Tập trung quản lý, đầu tư xây dựng các trung tâm khoa học để thực hiện các nhiệm vụ NC khoa học cơ bản về KHQLGD và các chương trình NC quốc gia.

- Có sự liên kết, liên thông giữa các cơ sở NC khoa học GD trong nước phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu học tập nâng cao kiến thức của xã hội; Liên kết với các cơ sở NC khoa học GD quốc tế.

- Tạo điều kiện thuận lợi để mọi cơ sở NC khoa học GD được tự chủ phát huy nội lực, tiếp thu các thành tựu tiên tiến của thế giới, phát huy mọi khả năng lao động sáng tạo, mọi khả năng liên kết để có nhiều đóng góp xây dựng đất nước, phục vụ lợi ích chung của toàn xã hội.

- Có lộ trình thích hợp: Việc sắp xếp lại hệ thống các cơ sở NC khoa học GD là một quá trình, do đó cần có lộ trình, bước đi thích hợp để thực hiện một cách hiệu quả, tiết kiệm, công khai, đảm bảo tính đồng bộ, hợp lý để đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế. Trước hết, cần làm cho đội ngũ cán bộ khoa học thấy rõ yêu cầu cần thiết cũng như những lợi ích của việc sắp xếp lại hệ thống các cơ sở NC khoa học GD để tạo sự đồng thuận, tự giác thực hiện vì lợi ích chung.

Điều kiện đảm bảo:

- Đảm bảo tính kế thừa, tính phát triển. Mỗi tổ chức khoa học GD đều có những thành quả nhất định trong quá trình hoạt động NC, do đó việc sắp xếp cần đảm bảo kế thừa, phát huy được những thành quả và kinh nghiệm đã tích lũy đồng thời tạo đà để cơ sở NC khoa học GD ngày càng phát triển.

- Tăng cường liên kết, hợp tác chặt chẽ giữa các tổ chức NC khoa học GD bằng những cơ chế “gắn kết lợi ích”.

- Thực hiện tốt các chủ trương, chính sách đã ban hành; Trong quá trình sắp xếp hệ thống các cơ sở NC khoa học GD, cần thực hiện đúng và đầy đủ chủ trương phân cấp quản lý, đồng thời đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức công lập, các doanh nghiệp theo tinh thần của Nghị định 115/NĐ-CP, Nghị định 80/2007/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn, quy định của các cơ quan quản lý có liên quan.

- Việc NC sắp xếp cơ sở NC khoa học GD cũng đòi hỏi phải tăng cường đầu tư, kiện toàn hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước về GD để có đủ quyền hạn, trách nhiệm và năng lực trong quản lý, phát triển các ngành khoa học, các tổ chức khoa học, đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

- Các cơ quan quản lý Nhà nước về khoa học GD một mặt tập trung rà soát, bổ sung, điều chỉnh, xây dựng và ban hành đồng bộ hệ thống các quy định, quy chế, quy trình công tác, mặt khác cần kết phối hợp chặt chẽ với nhau, với các cơ quan kế hoạch, tài chính, đồng thời cần đổi mới hình thức quản lý theo phân cấp, tự chủ kết hợp với quản lý đa ngành, đa lĩnh vực theo nội dung, chủ đề NC khoa học GD để phù hợp với yêu cầu sự phát triển của GD và đào tạo.

f. Nâng cao năng lực NC cho các tổ chức NC và đào tạo KHQLGD

Mục tiêu: Các tổ chức NC và đào tạo KHQLGD được quan tâm đầu tư về mọi nguồn lực cần thiết (nhân lực, vật lực, tài chính) cho việc tổ chức NC và đào tạo theo hướng chuẩn mực quốc tế.

Nội dung thực hiện:

- Nâng cao trình độ đội ngũ các bộ quản lý hoạt động NC khoa học là yếu tố hàng đầu quyết định sự thành công của hệ thống đề tài, là uy tín và tên tuổi của một đơn vị NC trong Bộ GD&ĐT. Do vậy, việc nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý và NC luôn giữ một vị trí trọng tâm không chỉ ở cán bộ lãnh đạo và còn được thâm nhuận ở từng cá nhân cán bộ NC. Cần phải tập trung nâng cao năng lực và có quy hoạch phát triển đội ngũ, đi đôi với tích cực thu hút đội ngũ chuyên gia NC trong và ngoài nước trong quá trình triển khai đề tài.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, các nghị quyết, văn bản của Nhà nước, của các đơn vị quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ, của Bộ GD&ĐT về công tác quản lý NC khoa học và hoạt động NC khoa học tới đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ NC để định hướng hoạt động và có trách nhiệm nâng cao chất lượng công tác chuyên môn, đổi mới cách làm, cách nghĩ trong quản lý NC khoa học.

- Đầu tư cho lĩnh vực khoa học GD còn rất thấp, trang thiết bị của các viện NC, các trường đại học nhìn chung còn thiếu, không đồng bộ. So với các nước trong khu vực và trên thế giới, Việt Nam còn có khoảng cách rất lớn về tiềm lực và kết quả hoạt động trong NC khoa học GD. Hoạt động NC của các tổ chức NC khoa học GD chưa thật sự hiệu quả, chưa sát với thực tế và yêu cầu của nền kinh tế - xã hội của nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế.

Điều kiện đảm bảo:

- Gắn NC QLGD với quy hoạch phát triển nhân lực khoa học: Để thực hiện kế hoạch trên đòi hỏi phải: Một mặt, tập trung nâng cao năng lực và có quy hoạch phát triển đội ngũ để luôn tồn tại đan xen lớp chuyên gia đầu đàn, lớp chuyên gia có khả năng độc lập triển khai NC và các cán bộ trợ lý NC về QLGD; Mặt khác, phải có cơ chế thích hợp để phối hợp NC và tập hợp, thu hút được đông đảo các chuyên gia, các tổ chức NC trong và ngoài nước tham gia vào quá trình triển khai đề tài NC về QLGD. Bên cạnh đó, cần tận dụng các nguồn lực để nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện có để phục vụ cho công tác NC.

- NC khoa học chỉ có thể thành công với điều kiện có những đảm bảo nhất định về nguồn lực: Nguồn lực con người, cơ sở vật chất, tài chính, thông tin và những điều kiện đảm bảo khác. Trong các đảm bảo trên, đảm bảo về cơ sở vật chất đóng vai trò rất quan trọng. Nhiều công trình NC khoa học, đặc biệt là khoa học công nghệ đòi hỏi phải có những nhà xưởng, phòng thí nghiệm, máy móc và thiết bị hiện đại mới có thể đảm bảo cho NC đạt được kết quả. Chính vì vậy, chúng ta phải tạo điều kiện thuận lợi nhất về cơ sở vật chất cho các NC về khoa học công nghệ.

- Thực hiện triệt để cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập về nhân lực, kinh phí hoạt động dựa trên kết quả và hiệu quả hoạt động.

- Triển khai hợp tác khoa học GD tầm quốc gia với các nước tiên tiến về khoa học GD là đối tác chiến lược của Việt Nam. Thành lập các nhóm NC chuyên sâu, có khả năng giải quyết những vấn đề KHQLGD nảy sinh trong quá trình đổi mới GD của Việt Nam và đạt trình độ khu vực và thế giới.

3. Kết luận

Để góp phần phát triển KHQLGD trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, đáp ứng nhu cầu đổi mới GD của Việt Nam, không thể không tham khảo và học hỏi những kinh nghiệm quốc tế về sự hình thành và phát triển bộ môn KHQLGD trên thế giới như: Một số vấn đề chung về KHQLGD, lịch sử hình thành và phát triển bộ môn KHQLGD, những kết quả nghiên cứu về KHQLGD. Trên cơ sở những kinh nghiệm quốc tế về sự hình thành và phát triển bộ môn KHQLGD trên thế giới và thực tiễn đổi mới GD Việt Nam mới có thể đề xuất được những định hướng nghiên cứu và những giải pháp phát triển KHQLGD phù hợp với xu hướng mới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bush T, (2008), *From Management to Leadership: Semantic or Meaningful Change?*, *Journal: Educational Management Administration & Leadership*, ISSN 1741-1432 DOI: 10.1177/1741143207087777, SAGE Publications (London, Los Angeles, New Delhi and Singapore), Copyright © 2008 BELMAS Vol 36(2) 271–288; 087777.
- [2] Lunenburg F.C. and Ornstein A. C., (1999), *Educational Administration: Concepts and Practices*, Third Edition, Wadsworth Thomson Learning, CA, USA).
- [3] Glatter, Ron and Kydd, Lesley, (2003), *Best practice in educational leadership and management: can we identify it and learn from it? Educational Leadership and Management*, 31(3) 231 - 243.
- [4] Phan Văn Nhân, (2013), *Đề tài cấp Bộ Khoa học Quản lý Giáo dục - Vấn đề và giải pháp*, Mã số: B2013-37- 07.
- [5] Ronald H. Heck and Philip Hallinger “*The Study of Educational Leadership and Management: Where Does the Field Stand Today?*” 2005; 33; 229 *Educational Management Administration Leadership*. ISSN 1741-1432 DOI: 10.1177/1741143205051055 SAGE Publications (London, Thousand Oaks and New Delhi) Copyright © 2005 BELMAS Vol 33(2) 229–244; 051055.

DEVELOPING EDUCATIONAL MANAGEMENT SCIENCE

Pham Thi Kim Phuong

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao St., Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam
Email: phamphuong121069@gmail.com

ABSTRACT: *The article aims to present a review of the formation and development of the science of education management in the world and in Viet Nam namely, general issues, formation and development and research results in educational management science. Based on the practical needs of educational reform and educational management in Viet Nam, the article proposes research orientations and solutions for developing educational management science in the new social context.*

KEYWORDS: *Educational management science; Research on educational management science; Developing educational management science.*